

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 07/9/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Tuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Mạc Ngọc Day - Cán bộ hưu trí.

2. Ông: Nguyễn Duy Sự - Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2021; Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 717/TB-TA ngày 22 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Kh, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

**- Bị đơn:** Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Kh, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện trú tại: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn Kh, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Đ, ông Hoa có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Đoàn Thị Th kết hôn với nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/01/2012. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Th, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đoàn Thị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Đoàn Thị Th có 02 con chung là cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 02/6/2012 hiện cháu đang sinh sống cùng chị Th và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2015 hiện cháu đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

*Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Về vay nợ*: Quá trình giải quyết vụ án anh Đ đề nghị giải quyết khoản vay nợ chung của hai vợ chồng và ông Phạm Văn H đã trả nợ thay, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Đ không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Đoàn Thị Th trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2012 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Phạm Văn Đ có đơn xin ly hôn, chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

- *Về con chung*: Chị và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 02/6/2012 hiện cháu đang sinh sống cùng chị và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2015 hiện đang sinh sống cùng anh Đ. Sau ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Thu H1 và nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Quỳnh A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống chị và anh Đ có một số tài sản chung như sau:

01 Diện tích đất có chiều rộng 5m, chiều sâu khoảng 40m thuộc thôn Kh, xã H, huyện Y. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc do hai vợ chồng nhận chuyển nhượng của anh Tạ Đình Tr - Địa chỉ: Thôn Ch, xã H, huyện Hàm Y từ năm 2016. Trị giá trị diện tích đất này khi mua 82.000.000đồng.

01 máy giặt Sanyo, mua năm 2015; 01 tủ lạnh Sanyo, mua năm 2018; 01 bộ bàn gỗ mua năm 2012; 01 Tivi không nhớ rõ hãng gì, mua năm 2012; 01 điều hòa Sanyo mua năm 2018. Tổng trị giá còn lại khoảng 10.000.000đồng; 01 Xe máy Vision, chị không nhớ biển số xe, đăng ký mang tên Đoàn Thị Thương. Hiện nay anh Đ đã bán chiếc xe máy này, chị không biết là bán cho ai, chỉ biết anh Đ bán được 20.000.000đồng;

Công trình phụ phía sau gồm: bếp, hệ thống nhà vệ sinh tự hoại, hệ thống bioga, chuồng trại chăn nuôi lợn; Đại phía trước nhà, xây tường và lợp tấm lợp Fbroximăng (nhà bán mái xây phía trước liền kề nhà ở). Giá trị công trình phụ và đại phía trước nhà khoảng 20.000.000đồng

01 máy gặt, khi mua hơn 200.000.000đồng. Tuy nhiên do anh Đ đã trả nợ phần còn nợ khi mua nên chị tính trị giá phần tài sản chung góp vào là 100.000.000đồng, đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

- *Về vay nợ*: Chị và anh Đ không có vay nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông là bố đẻ của anh Đ và là bố chồng của chị Th. Ông xác định năm 2019 anh Đ và chị Th có mua 01 máy gặt về để gặt lúa thuê, nhưng do không đủ tiền nên anh Đ và chị Th có vay của bà Nguyễn Thị G - Địa chỉ: Thôn Kh, xã H, huyện Y số tiền 130.000.000đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) để mua máy. Sau đó do anh Đ và chị Th sống ly thân bà G đòi nhiều lần nhưng anh Đ không có tiền trả, còn chị Th thì bỏ đi và bà G có đến nhà ông trao đổi là đã điện cho chị Th, nhưng chị Th bảo là đang đi làm ăn không có tiền trả và bảo ông và anh Đ trả hộ. Do bà G đòi nhiều nên ông đứng ra trả cho bà G số tiền tổng hai lần là 63.000.000đồng (cả tiền lãi). Các lần trả tiền có ghi vào giấy và bà G ký phần người nhận tiền. Nay anh Đ và chị Th đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn ông yêu cầu anh Đ và chị Th phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền là 63.000.000đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*), trong đó mỗi người phải trả  $\frac{1}{2}$  số tiền.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Th kết hôn với nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/01/2012, việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh Đ và chị Th đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của

Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Đoàn Thị Th.

- *Về con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2015 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 02/6/2012 cho chị Đoàn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

- *Về tài sản chung*: Do chị Đoàn Thị Th được triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Đoàn Thị Th và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho chị Đoàn Thị Th theo quy định của pháp luật.

- *Về vay nợ*: Do ông Phạm Văn H rút toàn bộ yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn H và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho ông Phạm Văn H theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; sung ngân sách số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp, Chị Th phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đoàn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Th kết hôn với nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/01/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Th là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ xác định trong cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh không thể chung sống cùng chị Th được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Th. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống anh Đ và chị Th có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, ngoài ra thấy rằng quá trình giải quyết vụ án chị Th nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của

anh Đ. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ với chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Th có 02 con chung là cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Đ nhất trí để chị Th nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H1, còn anh nhận nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh A. Chị Th có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H1 và nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh A. Hội đồng xét xử thấy rằng tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Phạm Thu H1 thì cháu Hằng có nguyện vọng được ở với chị Th. Mặt khác Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh Đ và chị Th sống ly thân thì cháu Hằng ở cùng chị Th, còn cháu Anh ở cùng anh Đ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, thấy rằng cần giao cháu Phạm Quỳnh A cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Thu H1 cho chị Đoàn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do anh Đ và chị Th đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Anh Phạm Văn Đ không yêu cầu giải quyết, chị Đoàn Thị Th yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Th đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy thuộc trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Th và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho chị Th theo quy định của pháp luật.

[6] *Về nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H yêu cầu anh Đ và chị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoa số tiền anh Đ, chị Th vay nợ mà ông Hoa đã trả hộ. Ngày 06 tháng 9 năm 2021 ông Phạm Văn H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về việc đề nghị Tòa án buộc anh Đ, chị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoa số tiền 63.000.000đồng thuộc trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Do vậy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho ông Hoa theo quy định của pháp luật.

[7] *Về chi phí thẩm định, định giá*: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.400.000đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) do chị Đoàn Thị Th là người yêu cầu Tòa án thẩm định và định giá tài sản, do vậy chị Th phải chịu chi phí

thẩm định và định giá tài sản, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng chị Th đã nộp là 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*), chị Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[8] *Về án phí*: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; sung ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí chị Đoàn Thị Th đã nộp; ông Phạm Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28; 147; 157; 217; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

\* Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Đoàn Thị Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2015 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 2/6/2012 cho chị Đoàn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu của chị Đoàn Thị Th về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho chị Đoàn Thị Th về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

4. *Về vay nợ chung*: Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn H và dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho ông Phạm Văn H về việc yêu cầu anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Th phải có nghĩa vụ trả số tiền mà ông Hoa đã trả nợ thay.

5. *Về án phí*: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002312, ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

- Sung ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí chị Đoàn Thị Th đã nộp là 3.750.000đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0002393, ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

- Trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.575.000đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002455, ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Hòa (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

**Mạc Văn Tuyến**

**TOÀ CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**

**Hoàng Văn Bôn - Dương Thị Ninh**

**Mạc Văn Tuyển**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyển**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hà Quang Thịnh - Nông Thị Hương**

**Mạc Văn Tuyên**

\







